

Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 42

Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe theo quy định của pháp luật; Quản lý quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm; Các hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 2, Tòa nhà 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nghiêm Phương Nhi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025
Ông Lê Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Việt Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Út	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hoài Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2025
Bà Doãn Hồ Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2026
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2026
Ông Nguyễn Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hoài Nam – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Hoài Nam
Tổng Giám đốc



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 14130834/ E-70095579/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 08 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 10 tháng 3 năm 2026.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		332.590.716.684	314.982.860.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.974.202.645	36.923.793.257
1. Tiền	111		5.974.202.645	36.923.793.257
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	229.775.909.926	215.984.520.548
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	229.775.909.926	215.984.520.548
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	88.679.516.974	60.133.662.507
1. Phải thu khách hàng	131		28.449.520.999	-
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		28.449.520.999	-
2. Trả trước ngắn hạn cho người bán	132		10.600.000	117.550.000
3. Các khoản phải thu khác	135		60.219.395.975	60.016.112.507
IV. Hàng tồn kho	140	7	45.600.000	-
1. Hàng tồn kho	141		45.600.000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.752.768.935	1.940.884.430
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	151		1.445.092.619	1.592.968.340
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	8.1	540.100.542	-
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2	8.2	904.992.077	1.592.968.340
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		307.676.316	347.916.090
VI. Tài sản tái bảo hiểm	190		6.362.718.204	-
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		6.001.117.753	-
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		361.600.451	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.349.149.937	186.835.772.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6	10.771.772.300	10.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		10.771.772.300	10.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		10.000.000.000	10.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		771.772.300	-
II. Tài sản cố định	220		2.282.825.966	182.041.849
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	251.023.734	182.041.849
Nguyên giá	222		273.829.466	184.135.185
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(22.805.732)	(2.093.336)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.031.802.232	-
Nguyên giá	228		2.118.200.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(86.397.768)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	-	1.178.000.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		174.993.795.000	174.993.795.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.2	174.993.795.000	174.993.795.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.300.756.671	481.935.675
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	261	8.2	1.300.756.671	481.935.675
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		521.939.866.621	501.818.633.266

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.794.650.889	1.785.138.560
I. Nợ ngắn hạn	310		10.794.650.889	1.785.138.560
1. Phải trả người bán	312	12	1.381.150.826	1.653.732.053
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		1.381.150.826	-
1.2. Phải trả khác	312.2		-	1.653.732.053
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.235.104.524	98.701.775
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	115.475.713	32.704.732
4. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	15	63.250.161	-
5. Dự phòng nghiệp vụ	329	16	5.999.669.665	-
5.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	16.1	2.380.042.263	-
5.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	16.2	2.805.120.664	-
5.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	16.3	814.506.738	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		511.145.215.732	500.033.494.706
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	511.145.215.732	500.033.494.706
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17.2	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		557.260.786	1.674.735
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	421		10.587.954.946	31.819.971
3.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.819.971	-
3.2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.556.134.975	31.819.971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		521.939.866.621	501.818.633.266

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Bà Đỗ Thị Mai

Bà Đặng Thị Thúy Hằng

Ông Lê Hải Nam



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	90.077.425.403
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	8.978.725.509
3. Thu nhập khác	13	2.283
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	(71.017.677.354)
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	(45.470.668)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(14.092.636.721)
7. Chi phí khác	24	(8.573.736)
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 + 20 + 22 + 23 + 24)	50	13.891.794.716
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(2.780.073.690)
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51)	60	11.111.721.026
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	222

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT



Bà Đỗ Thị Mai

Bà Đặng Thị Thúy Hằng

Ông Lê Hoài Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu phí nhận bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2)	01	18	91.123.979.856
Trong đó:			
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.1	18.1	93.504.022.119
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.2	16	(2.380.042.263)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2)	02	19	(6.052.230.607)
Trong đó:			
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	19.1	(12.053.348.360)
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	16	6.001.117.753
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01+ 02)	03		85.071.749.249
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		5.005.676.154
Trong đó:			
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		63.250.159
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		4.942.425.995
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		90.077.425.403
6. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	11	20	(29.082.760.034)
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		-
8. Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13	16	(2.805.120.664)
9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	16	361.600.451
10. Tổng chi bồi thường (15 = 11 + 12 + 13 + 14)	15		(31.526.280.247)
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16	16	(814.506.738)
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	21	(38.676.890.369)
Trong đó:			
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		(9.330.646.924)
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		(29.346.243.445)
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		(71.017.677.354)
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 + 18)	19		19.059.748.049
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	22	8.978.725.509
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	23	(45.470.668)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)	25		8.933.254.841

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG
(tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	(14.092.636.721)
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 + 26)	30		13.900.366.169
20. Thu nhập khác	31	25	2.283
21. Chi phí khác	32	25	(8.573.736)
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		(8.571.453)
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.891.794.716
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26.1	(2.780.073.690)
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		11.111.721.026
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		222

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bà Đỗ Thị Mai

Bà Đặng Thị Thúy Hằng

Ông Lê Hoài Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.024.756.134
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(19.781.792.678)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.124.904.394)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(9.634.788)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.028.783
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.438.935.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.329.482.222)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(806.694.281)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(154.739.726.027)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		146.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.925.481.341
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30		(5.620.938.967)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(30.950.421.189)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.923.793.257
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		830.577
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	5.974.202.645

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Bà Đỗ Thị Mai

Bà Đặng Thị Thúy Hằng

Ông Lê Hoài Nam



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Alpha ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe theo quy định của pháp luật; Quản lý quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm; Các hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 2, Tòa nhà 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là: 18 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 13 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ("Thông tư 232") ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 99/2025/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99") do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan, và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam - VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 19 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích lập dự phòng</u> (% giá trị khoản phải thu)
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
TSCĐ hữu hình khác	5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Chương trình phần mềm	5 năm
TSCĐ vô hình khác	5 năm

38 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (02) đến ba (03) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- Công cụ, dụng cụ và các vật dụng có giá trị lớn dùng trong hoạt động kinh doanh trên một (01) năm; và
- Các chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

3.12 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo phê duyệt của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ dự trữ bắt buộc: được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Tỷ lệ được trích lập của quỹ dự trữ bắt buộc bằng năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là mười phần trăm (10%) vốn điều lệ dựa theo quy định tại Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 do Chính phủ ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập bao gồm a) nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và b) nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp Công ty lựa chọn và được Bộ Tài Chính chấp thuận.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống: áp dụng phương pháp trích lập theo tỉ lệ phần trăm theo tổng phí bảo hiểm, cụ thể:
 - Đối với nghiệp vụ hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này, không phân biệt hợp đồng còn hiệu lực hoặc không còn hiệu lực.
 - Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này không phân biệt hợp đồng còn hiệu lực hoặc không còn hiệu lực.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm: áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả ngắn hạn, dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm ngắn hạn.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết: trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả ngắn hạn, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm ngắn hạn.

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại.

Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định hiện hành, Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống áp dụng phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ cho từng hợp đồng bảo hiểm sức khỏe theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe còn hiệu lực.

Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả ngắn hạn, dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm ngắn hạn.

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm: áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết: trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả ngắn hạn, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm ngắn hạn.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập hằng năm là 1% phí bảo hiểm giữ lại và được hạch toán vào tài khoản dự phòng dao động lớn trên báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- ▶ việc giao kết bằng hợp đồng giữa Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- ▶ bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC. Các khoản hoàn hoặc giảm phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong các trường hợp hủy hợp đồng hoặc thay đổi phạm vi tái bảo hiểm được theo dõi riêng và ghi nhận theo bảng thanh toán được xác nhận tương ứng với giá trị phí được giảm hoặc hoàn lại. Các khoản này được kết chuyển vào doanh thu phí nhận tái bảo hiểm để tính doanh thu thuần phí nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Thu hoa hồng nhượng và các khoản thu khác nhận, nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh.

Cuối kỳ hoạt động, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

Phí nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ như là một khoản giảm trừ đối với doanh thu nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận. Việc ghi nhận này được thực hiện cùng kỳ với kỳ kế toán ghi nhận phí nhận tái bảo hiểm tương ứng, theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC. Các khoản hoàn hoặc giảm phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi Công ty hủy hợp đồng hoặc giảm phạm vi tái bảo hiểm trong đó số phí thuần được giảm hoặc nhận lại phí nhượng lại tương ứng với giá trị hợp đồng hủy hoặc phạm vi tái bảo hiểm bị điều chỉnh, được ghi giảm vào phí nhượng tái bảo hiểm.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận nhượng tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường có điều khoản tái lập, Công ty ghi nhận phí tái lập phải trả. Đây là số tiền mà Công ty phải đóng để khôi phục lại hạn mức trách nhiệm ban đầu của hợp đồng. Căn cứ ghi nhận của phí tái lập phải trả là bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối kỳ, Công ty thực hiện dự chi phí tái lập phải trả tương ứng với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận chi phí

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bằng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái. Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm và chi phí khác nhận nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh.

Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

3.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.22 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được xác định theo nguyên tắc nêu trên.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	8.880.000	9.880.000
Tiền gửi ngân hàng	5.965.322.645	36.913.913.257
Trong đó:		
- Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	4.966.318.973	-
- Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	982.568.961	36.913.913.257
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại khác	16.434.711	-
TỔNG CỘNG	5.974.202.645	36.923.793.257

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	229.775.909.926	215.984.520.548
Ngắn hạn	229.775.909.926	215.984.520.548
- Tiền gửi có kỳ hạn	223.739.726.027	215.000.000.000
- Phải thu lãi tiền gửi	6.036.183.899	984.520.548
Đầu tư dài hạn khác	174.993.795.000	174.993.795.000
Đầu tư vào đơn vị khác	174.993.795.000	174.993.795.000
TỔNG CỘNG	404.769.704.926	390.978.315.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn	229.775.909.926	229.775.909.926	215.984.520.548	215.984.520.548
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	223.739.726.027	223.739.726.027	215.000.000.000	-
Trong đó:				
- Công ty Tài Chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	218.739.726.027	218.739.726.027	215.000.000.000	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Dự thu lãi tiền gửi	6.036.183.899	6.036.183.899	984.520.548	-
TỔNG CỘNG	229.775.909.926	229.775.909.926	215.984.520.548	215.984.520.548

(*) Tiền gửi có kỳ hạn gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng – 1 năm, lãi suất 7,5%- 8,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư vào đơn vị khác	174.993.795.000	174.993.795.000	-	174.993.795.000
Trong đó:				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Thủ Đức	61.346.880.000	61.346.880.000	-	61.346.880.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Fortuna	58.683.240.000	58.683.240.000	-	58.683.240.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ và Đầu tư xây dựng Trường Sinh	54.963.675.000	54.963.675.000	-	54.963.675.000
TỔNG CỘNG	174.993.795.000	174.993.795.000	-	174.993.795.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	45.600.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	45.600.000	-	-	-

8. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

8.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Số đầu kỳ	-	-
Chi phí hoa hồng phát sinh trong kỳ	9.870.747.466	-
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(9.330.646.924)	-
Số cuối năm	540.100.542	-

8.2 Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	904.992.077	1.592.968.340
Chi phí thuê văn phòng	-	758.772.300
Công cụ, dụng cụ	276.965.977	92.378.950
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	628.026.100	741.817.090
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	1.300.756.671	481.935.675
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Công cụ, dụng cụ	529.651.863	393.866.564
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	771.104.808	88.069.111
TỔNG CỘNG	2.205.748.748	2.074.904.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	78.685.185	105.450.000	184.135.185
Mua mới trong năm	89.694.281	-	89.694.281
Số cuối kỳ	168.379.466	105.450.000	273.829.466
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu kỳ	(846.078)	(1.247.258)	(2.093.336)
Khấu hao trích trong năm	(10.167.396)	(10.545.000)	(20.712.396)
Số cuối kỳ	(11.013.474)	(11.792.258)	(22.805.732)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	77.839.107	104.202.742	182.041.849
Số cuối kỳ	157.365.992	93.657.742	251.023.734

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	142.200.000	1.945.000.000	31.000.000	2.118.200.000
Số cuối kỳ	142.200.000	1.945.000.000	31.000.000	2.118.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu kỳ	-	-	-	-
Hao mòn trong năm	(2.867.248)	(83.134.409)	(396.111)	(86.397.768)
Số cuối kỳ	(2.867.248)	(83.134.409)	(396.111)	(86.397.768)
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	139.332.752	1.861.865.591	30.603.889	2.031.802.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜI DANG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí xây dựng cơ bản dời dang				
- Phần mềm	-	-	1.178.000.000	1.178.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	1.178.000.000	1.178.000.000

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng phải trả về hoạt động bảo hiểm	1.381.150.826	-
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm (*)	1.381.150.826	-
Trong đó:		
- Aon Reinsurance Solutions Asia Pte. Ltd.	944.639.332	-
- Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	185.340.549	-
- Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	185.340.549	-
- Các đối tượng khác	65.830.396	-
Phải trả khác cho người bán	-	1.653.732.053
Phải trả khác	-	1.653.732.053
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Amber Capital	-	834.649.530
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	-	804.947.510
- Các đối tượng khác	-	14.135.013
TỔNG CỘNG	1.381.150.826	1.653.732.053

(*) Số dư phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 đã bao gồm chênh lệch đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ VND
		Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế TNDN	9.623.677	2.760.804.114	(9.634.788)	2.780.062.579
Thuế TNCN	89.078.098	45.331.624	(315.635.603)	450.045.325
Thuế khác	-	9.923.156	(4.926.536)	4.996.620
TỔNG CỘNG	98.701.775	2.816.058.894	(330.196.927)	3.235.104.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i> VND	<i>Số đầu kỳ</i> VND
Kinh phí công đoàn	14.740.080	-
Trích bảo hiểm xã hội	99.120.420	32.214.400
Phải trả khác	1.615.213	490.332
TỔNG CỘNG	115.475.713	32.704.732

15. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

	<i>Số cuối kỳ</i> VND	<i>Số đầu kỳ</i> VND
Số đầu kỳ	-	-
Phát sinh trong kỳ	126.500.320	-
Phân bổ vào doanh thu trong kỳ	(63.250.159)	-
Số cuối kỳ	63.250.161	-

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái VND</i>	<i>Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm) VND</i>	<i>Dự phòng bảo hiểm thuần VND</i>
Số đầu kỳ			
Dự phòng phí chưa được hưởng	-	-	-
Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe	-	-	-
Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ	-	-	-
Dự phòng bồi thường	-	-	-
Dự phòng bồi thường đã thông báo nhưng chưa giải quyết	-	-	-
Dự phòng bồi thường đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại	-	-	-
Dự phòng dao động lớn	-	-	-
TỔNG CỘNG	-	-	-
Số cuối kỳ			
Dự phòng phí chưa được hưởng	2.380.042.263	(6.001.117.753)	(3.621.075.490)
Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe	-	-	-
Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ	2.380.042.263	(6.001.117.753)	(3.621.075.490)
Dự phòng bồi thường	2.805.120.664	(361.600.451)	2.443.520.213
Dự phòng bồi thường đã thông báo nhưng chưa giải quyết	-	-	-
Dự phòng bồi thường đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại	2.805.120.664	(361.600.451)	2.443.520.213
Dự phòng dao động lớn	814.506.738	-	814.506.738
TỔNG CỘNG	5.999.669.665	(6.362.718.204)	(363.048.539)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

16.1 Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Bảo hiểm sức khỏe	-	-
Bảo hiểm tài sản	1.061.292.592	-
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	5.804.776	-
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy, nổ	-	-
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	333.382.632	-
Bảo hiểm trách nhiệm	112.967.583	-
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
Bảo hiểm bảo lãnh	-	-
Bảo hiểm thiệt hại khác	866.594.680	-
TỔNG CỘNG	2.380.042.263	-

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Bảo hiểm sức khỏe	-	-
Bảo hiểm tài sản	4.152.056.005	-
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	25.556.436	-
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy, nổ	-	-
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	76.357.375	-
Bảo hiểm trách nhiệm	615.912.983	-
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
Bảo hiểm bảo lãnh	-	-
Bảo hiểm thiệt hại khác	1.131.234.954	-
TỔNG CỘNG	6.001.117.753	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

16.2 Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Bảo hiểm sức khỏe	-	-
Bảo hiểm tài sản	63.677.556	-
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	696.573	-
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm xe cơ giới	2.668.524.165	-
Bảo hiểm cháy, nổ	-	-
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	20.002.958	-
Bảo hiểm trách nhiệm	6.778.055	-
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
Bảo hiểm bảo lãnh	-	-
Bảo hiểm thiệt hại khác	45.441.357	-
TỔNG CỘNG	2.805.120.664	-

Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Tài sản tái bảo hiểm)

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Bảo hiểm sức khỏe	-	-
Bảo hiểm tài sản	249.123.360	-
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	3.066.772	-
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy, nổ	-	-
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	4.581.443	-
Bảo hiểm trách nhiệm	36.954.779	-
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-	-
Bảo hiểm bảo lãnh	-	-
Bảo hiểm thiệt hại khác	67.874.097	-
TỔNG CỘNG	361.600.451	-

16.3 Dự phòng dao động lớn

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Số đầu năm	-	-
Số trích lập thêm trong năm	814.506.738	-
Số cuối năm	814.506.738	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu kỳ	500.000.000.000	1.674.735	31.819.971	500.033.494.706
Tăng vốn	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.111.721.026	11.111.721.026
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc trong năm	-	555.586.051	(555.586.051)	-
Số cuối kỳ	500.000.000.000	557.260.786	10.587.954.946	511.145.215.732

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thành viên góp vốn	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	60.000.000.000	12,00	60.000.000.000	12,00
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	52.500.000.000	10,50	52.500.000.000	10,50
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hòa An	49.000.000.000	9,80	49.000.000.000	9,80
Các cổ đông khác	338.500.000.000	67,70	338.500.000.000	67,70
TỔNG CỘNG	500.000.000.000	100,00	500.000.000.000	100,00

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	500.000.000.000	-
Vốn góp tăng	-	500.000.000.000
Số cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (*)	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (*)	-	-

(*) Loại được phân loại là vốn chủ sở hữu.

18. DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM

	Thuyết minh	Kỳ này VND
Tổng phí nhận tái bảo hiểm	18.1	93.504.022.119
Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		(2.380.042.263)
TỔNG CỘNG		91.123.979.856

18.1 Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Kỳ này VND
Bảo hiểm sức khỏe	-
Bảo hiểm tài sản	2.122.585.182
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	23.219.105
Bảo hiểm hàng không	-
Bảo hiểm xe cơ giới	88.950.805.509
Bảo hiểm cháy, nổ	-
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	666.765.263
Bảo hiểm trách nhiệm	225.935.165
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-
Bảo hiểm bảo lãnh	-
Bảo hiểm thiệt hại khác	1.514.711.895
TỔNG CỘNG	93.504.022.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

19. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	19.1	12.053.348.360
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(6.001.117.753)
TỔNG CỘNG		6.052.230.607

19.1 Doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Kỳ này VND</i>
Bảo hiểm sức khỏe	-
Bảo hiểm tài sản	8.304.112.007
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	102.225.738
Bảo hiểm hàng không	-
Bảo hiểm xe cơ giới	-
Bảo hiểm cháy, nổ	-
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	152.714.747
Bảo hiểm trách nhiệm	1.231.825.964
Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	-
Bảo hiểm nông nghiệp	-
Bảo hiểm bảo lãnh	-
Bảo hiểm thiệt hại khác	2.262.469.904
TỔNG CỘNG	12.053.348.360

20. CHI BỒI THƯỜNG NHẬN TÁI BẢO HIỂM

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	20.1	29.082.760.034
Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		2.805.120.664
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		(361.600.451)
TỔNG CỘNG		31.526.280.247

20.1 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

<i>Loại hình bảo hiểm</i>	<i>Kỳ này VND</i>
Bảo hiểm xe cơ giới	29.082.760.034
TỔNG CỘNG	29.082.760.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

21. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Kỳ này VND
Chi phí hoa hồng bảo hiểm	9.330.646.924
Chi khác kinh doanh nhận tái bảo hiểm	29.335.787.594
Chi phí tiếp khách, hội nghị, quà tặng	10.455.851
TỔNG CỘNG	38.676.890.369

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.968.343.591
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.801.101
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.580.817
TỔNG CỘNG	8.978.725.509

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.470.668
TỔNG CỘNG	45.470.668

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND
Chi phí nhân viên	6.213.501.161
Chi phí đồ dùng văn phòng	209.610.141
Chi phí khấu hao TSCĐ	107.110.164
Thuế phí lệ phí	596.619.614
Chi phí dự phòng	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.329.703.731
Chi phí bằng tiền khác	3.636.091.910
TỔNG CỘNG	14.092.636.721

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND
Thu nhập khác	2.283
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-
Các khoản khác	2.283
Chi phí khác	(8.573.736)
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-
Các khoản khác	(8.573.736)
LỢI NHUẬN KHÁC	(8.571.453)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Kỳ này
VND

Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.780.073.690
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
TỔNG CỘNG	2.780.073.690

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

Kỳ này
VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.891.794.716
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	2.778.358.943
Các khoản điều chỉnh tăng	1.714.747
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	1.714.747
Các khoản điều chỉnh giảm	-
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay</i>	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	2.780.073.690
Lỗi năm trước chuyển sang	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.780.073.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2026, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đến 1 năm	-	-
Từ 1 đến 5 năm	2.740.938.472	-
Trên 5 năm	-	-
TỔNG CỘNG	2.740.938.472	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong năm và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Cổ đông
Công ty Tài Chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Hòa An	Cổ đông
Bà Nghiêm Phương Nhi	Cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Hoài Nam	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Doãn Hồ Lan	Cổ đông, Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc

28.1 Thu nhập của người quản lý Công ty

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc:

		Kỳ này VND
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Hoài Nam	Tổng Giám đốc	1.215.500.000
Bà Doãn Hồ Lan	Phó Tổng Giám đốc	66.956.522
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	694.514.493
Ông Nguyễn Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc	87.391.305
TỔNG CỘNG		2.064.362.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Giao dịch trọng yếu trong năm của Công ty với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này VND
Doanh thu			
Công ty Tài chính	Cổ đông sáng lập	Doanh thu tiền gửi có kỳ hạn	
Tổng hợp Cổ phần			
Điện lực			8.807.416.776

28.3 Số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan

Chi tiết số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

			Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	VND
Phải thu				
Công ty Tài chính	Cổ đông sáng lập	Tiền gửi có kỳ hạn	218.739.726.027	215.000.000.000
Tổng hợp Cổ phần		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Điện lực			5.571.800.338	984.520.548
			224.311.526.365	215.984.520.548

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

29.1 Quản lý vốn

Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan, Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty:

	Biên khả năng thanh toán (triệu VND)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	453.351	432.988	2226%

29.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Hội đồng quản trị và Người đại diện theo Pháp luật của Công ty nhận thấy tầm quan trọng của một khung quản trị rủi ro minh bạch và hiệu quả nhằm đảm bảo các mục tiêu hoạt động của Công ty; đồng thời bảo vệ các Thành viên góp vốn, các khách hàng và các bên liên quan khác.

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

29.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

(i) Rủi ro tiền tệ

Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Kỳ này	+5%	315.868.558
	-5%	(315.868.558)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.5 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Việc trích lập dự phòng tổn thất tín dụng cho các khoản phải thu khách hàng được thực hiện định kỳ trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu và tuân thủ các quy định hiện hành.

29.6 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn gốc của hợp đồng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.5 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn gốc của hợp đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 và tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2026:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản phải trả ngắn hạn	Tổng giá trị ghi sổ VND	Không xác định ngày kỳ hạn VND	Kỳ hạn gốc dưới 1 năm VND	Kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn gốc trên 5 năm VND	
Dự phòng nghiệp vụ	4.794.981.224 5.999.669.665	- 5.999.669.665	4.794.981.224 -	- -	- -	
Tổng nợ phải trả tài chính	10.794.650.889	5.999.669.665	4.794.981.224	-	-	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản phải trả ngắn hạn	Tổng giá trị ghi sổ VND	Không xác định ngày kỳ hạn VND	Kỳ hạn gốc dưới 1 năm VND	Kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn gốc trên 5 năm VND	
Dự phòng nghiệp vụ	1.785.138.560 -	- -	1.785.138.560 -	- -	- -	
Tổng nợ phải trả tài chính	1.785.138.560	-	1.785.138.560	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

30. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (*Thuyết minh số 3.1*) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Mã số	Số đã trình bày	Điều chỉnh	Số trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	314.982.860.742	-	314.982.860.742
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	215.000.000.000	984.520.548	215.984.520.548
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	215.000.000.000	984.520.548	215.984.520.548
III. Các khoản phải thu	130	61.118.183.055	(984.520.548)	60.133.662.507
3. Các khoản phải thu khác	135	61.000.633.055	(984.520.548)	60.016.112.507

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bà Đỗ Thị Mai

Bà Đặng Thị Thúy Hằng

Ông Lê Hoài Nam

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn